

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST  
Ngày 09-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thành Công;  
2. Ông Trương Minh Quang;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2022/TLST-HS, ngày 25 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Cha, mẹ ruột: Không xác định; mẹ nuôi: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1960; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Chưa có; tiền án: Ngày 03/9/2020, bị Tòa án Nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 39/2020/HS-ST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/8/2021; nhân thân: Ngày 14/7/2015, bị Tòa án Nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 38/2015/HS-ST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/12/2015; tạm giữ: Ngày 07/7/2022; tạm giam: Từ ngày 12/7/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:** Lâm Văn Q, sinh năm 1977 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có 01 (một) tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án Nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/8/2021.

Vào khoảng 00 giờ, 05 phút ngày 06/7/2022, Nguyễn Văn T đi tìm chỗ ngủ (do T sống lang thang). Khi T đi ngang nhà anh Lâm Văn Q, ngụ khóm An Thạnh A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, quan sát thấy nhà anh Q không đóng cửa nên T lén lút đột nhập vào bên trong, lục soát và lấy trộm 01 (một) chiếc túi xách, tiền Việt Nam 2.400.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, loại máy cảm ứng.

Sau đó, T ném bỏ chiếc túi xách gần nhà anh Q, đón xe khách đi thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và đã tiêu xài hết số tiền 2.320.000 đồng. Đến sáng ngày 07/7/2022, T đón xe buýt từ thành phố Cao Lãnh về thành phố H thì bị cơ quan Công an mời làm việc. Qua làm việc, Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình và giao nộp 80.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, loại cảm ứng mà T đã lấy trộm của anh Q cho cơ quan Công an.

- Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 80.000 đồng; 01 (một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐG, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng trị giá là 2.500.000 đồng; 01 (một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng trị giá là 30.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Lâm Văn Q: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 80.000 đồng; 01 (một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất hoàn trả số tiền 2.320.000 đồng cho bị hại Lâm Văn Q, nhưng đến nay T chưa Q hiện.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã Q hiện.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSTPHN, ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H Q hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Lâm Văn Q 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 80.000 đồng; 01(một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại Lâm Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 2.320.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng chưa Q hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bị

cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 2.320.000đồng.

Bị hại Lâm Văn Q xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự, anh yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 2.320.000đồng.

Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã Q hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã Q hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã Q hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành án xong, do không có nghề nghiệp ổn định, nhưng lại muốn nhanh có tiền để tiêu xài cá nhân mà bị cáo lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Cụ thể, vào khoảng 00 giờ 00 ngày 06 tháng 7 năm 2022, Nguyễn Văn T đang đi lang thang để tìm chỗ ngủ, khi đi ngang qua nhà anh Lâm Văn Q quan sát thấy nhà của anh Q không đóng cửa nên T lén lút đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 túi xách, tiền Việt Nam 2.400.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó hành vi trộm tài sản của T bị phát hiện và bị Cơ quan điều tra Công an thành phố H mời làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã Q hiện.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 16/KL-HĐĐG, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng là 2.500.000 đồng; 01 (một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng là 30.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 4.930.000đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo; lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

**Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:**

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đáng ra, trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải biết suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, ra sức lao động để tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ công sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà ngược lại sau khi chấp hành án xong, bị cáo lại tiếp tục Q hiện hành vi phạm tội, trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự thiếu ý thức trong tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

**[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:**

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã Q hiện; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có tiền án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn mức hình phạt đã xét xử bị cáo trước đây, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Lâm Văn Q 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 80.000 đồng; 01(một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn điều tra, bị hại Lâm Văn Q đã nhận lại tài sản bị mất gồm 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo 16A màu đen, loại cảm ứng, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 80.000 đồng; 01(một) chiếc túi xách màu đen, bên trong có viên màu đỏ, đã qua sử dụng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị thiệt hại là 2.320.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 07/7/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Lâm Văn Q số tiền là 2.320.000đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2022).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được Q hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan điều tra Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Thống**